

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
1. Thông tin về doanh nghiệp	2 - 3
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	12
7. Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	13 - 29

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng đăng ký kinh doanh

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công Ích Quận Phú Nhuận được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301440501-1 ngày 11 tháng 10 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 4 vào ngày 24 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng thành viên

Ông VŨ THỂ THỊNH	Chủ tịch
Ông ĐÀO MẠNH LINH	Thành viên
Ông NGUYỄN VĂN PHA	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông VŨ THIÊN HUÊ <i>(Bãi nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2016)</i>	Kiểm soát viên
Ông LƯU PHƯỚC THÀNH <i>(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2016)</i>	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

Ông ĐÀO MẠNH LINH	Giám đốc
Ông NGUYỄN VĂN PHA	Phó Giám đốc
Ông PHAN HỮU TUẤN	Phó Giám đốc
Bà HOÀNG MỘNG NGỌC	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Ông ĐÀO MẠNH LINH	Giám đốc
-------------------	----------

Trụ sở chính

49 Bùi Văn Thềm, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ

57.163.000.000 VND

Điện thoại

(08) 38 443 922

Fax

(08) 38 443 922

Mã số thuế

0301440501

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Hoạt động chính của Công ty

Quét dọn, thu gom và vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn; quản lý duy tu bảo dưỡng và xây dựng các công trình hạ tầng đô thị theo phân cấp quản lý và chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao. Quản lý và ký hợp đồng cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, duy tu sửa chữa nâng cấp nhà theo chỉ tiêu kế hoạch. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Sản xuất kinh doanh vật tư xây dựng và trang trí nội thất. Quản lý công viên và cây xanh. Thi công lắp đặt hệ thống cấp nước. Tưới cây, rửa đường. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế nội ngoại thất công trình. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Sửa chữa ô tô. Đầu tư xây dựng phát triển - kinh doanh nhà. Mua bán hoa kiểng, các loại vật tư, phân bón dùng cho hoa kiểng (trừ thuốc bảo vệ thực vật). Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng, cơ khí ô tô, sản phẩm kết cấu bằng kim loại. Xây dựng, lắp ghép khung nhà, kho. Nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường và xử lý nước thải công nghiệp. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Sản xuất vật phẩm quảng cáo. Tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại. Tiếp thị. Bảo trì, sửa chữa, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng. Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện lạnh, thông gió dân dụng và công nghiệp. Nhà hàng ăn uống. Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Đào tạo lái xe. Tư vấn lập dự án đầu tư. San lấp mặt bằng./.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định giá Asia Dragon ("ADAC")

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 29).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hàng năm thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại mọi thời điểm và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được soạn thảo trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.



Thay mặt Ban Giám đốc

Đào Mạnh Linh

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Số: 071/2017/BCKT-ADAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận Phú Nhuận, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Khoản phải thu khách hàng của Trường cao đẳng nghề Việt Thái đã có quyết định của tòa án về việc thắng kiện, tuy nhiên Công ty vẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vì chưa thu hồi được và cũng chưa nhận được quyết định yêu cầu thi hành án;
- Công ty tạm trích lập các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu cho năm 2016, số liệu trích lập quỹ có thể bị thay đổi sau khi được kiểm tra bởi Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục tài chính doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân Quận Phú Nhuận.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận Phú Nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lưu ý: Số liệu kiểm toán đầu năm Công ty đã được điều chỉnh một số chỉ tiêu về: Công nợ phải thu, chi phí trả trước, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, phải trả khác, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm 2012, 2013, 2014, 2015 theo các văn bản số 854/TB-VP ngày 22/10/2014, văn bản số 644/UBND-CNN ngày 23/2/2016, văn bản số 645/UBND-CNN ngày 23/2/2016 của Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh và văn bản số 990/UBND ngày 02/12/2016, văn bản số 991/UBND ngày 02/12/2016 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận. (Chi tiết xem thuyết minh số VII.02)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định giá Asia Dragon



Lê Xuân Vinh – Tổng Giám đốc

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 1208-2016-254-1

Hoàng Quốc Việt – Kiểm toán viên

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 3269-2016-254-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		102.377.239.511	108.664.111.021
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	29.438.953.020	55.498.551.640
1. Tiền	111		29.438.953.020	55.498.551.640
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.947.692.324	36.658.435.828
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	47.602.631.808	34.182.411.023
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	737.630.600	277.830.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.182.871.292	2.773.636.181
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(575.441.376)	(575.441.376)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		23.990.594.167	16.507.123.553
1. Hàng tồn kho	141	V.06	23.990.594.167	16.507.123.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		39.353.192.486	30.523.733.131
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	35.000.000	35.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		16.298.778.712	5.934.427.984
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	16.298.778.712	5.934.427.984
- Nguyên giá	222		39.575.278.899	32.519.537.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.276.500.187)	(26.585.109.649)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	21.937.158.639	22.384.121.655
- Nguyên giá	231		35.674.733.199	35.674.733.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.737.574.560)	(13.290.611.544)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		479.782.076	1.935.626.298
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	479.782.076	1.935.626.298
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		602.473.059	234.557.194
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	602.473.059	234.557.194
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		141.730.431.997	139.187.844.152

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		58.502.357.262	58.975.151.726
I. Nợ ngắn hạn	310		53.500.775.262	54.665.666.726
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.392.547.700	70.795.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	41.576.000	258.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.139.526.044	11.892.475.879
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.303.344.334	4.485.093.127
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1.570.000	130.380.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	13.210.902.594	15.104.668.298
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	15.411.308.590	22.724.254.422
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.001.582.000	4.309.485.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	3.855.600.000	3.742.400.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	1.145.982.000	567.085.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1	2	3	4	5
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400		83.228.074.735	80.212.692.426
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	61.840.128.444	58.824.746.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.163.000.000	57.163.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.163.000.000	57.163.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.317.922.718	(290.045.059)
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.359.205.726	1.951.791.194
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		21.387.946.291	21.387.946.291
1. Nguồn kinh phí	431		4.770.070.639	4.770.070.639
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		16.617.875.652	16.617.875.652
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)	440		141.730.431.997	139.187.844.152



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Đào Mạnh Linh
Giám đốc

Hoàng Mộng Ngọc
Kế toán trưởng

Hoàng Mộng Ngọc
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		147.430.712.108	178.066.541.406
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(26.125.496.910)	(10.861.047.228)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(30.977.459.596)	(34.128.582.874)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.702.501.383)	(4.032.769.144)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.934.871.937	11.289.844.394
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(126.197.255.063)	(119.664.138.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.637.128.907)	20.669.848.440
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(422.469.713)	(291.192.894)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	1.346.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(422.469.713)	1.055.261.652
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(26.059.598.620)	21.725.110.092
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	55.498.551.640	33.773.441.548
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	29.438.953.020	55.498.551.640



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Đào Mạnh Linh
Giám đốc

Hoàng Mộng Ngọc
Kế toán trưởng

Hoàng Mộng Ngọc
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn nhà nước.

2. **Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:** Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Quét dọn, thu gom và vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn; quản lý duy tu bảo dưỡng và xây dựng các công trình hạ tầng đô thị theo phân cấp quản lý và chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao. Quản lý và ký hợp đồng cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, duy tu sửa chữa nâng cấp nhà theo chỉ tiêu kế hoạch. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Sản xuất kinh doanh vật tư xây dựng và trang trí nội thất. Quản lý công viên và cây xanh. Thi công lắp đặt hệ thống cấp nước. Tưới cây, rửa đường. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế nội ngoại thất công trình. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Sửa chữa ô tô. Đầu tư xây dựng phát triển - kinh doanh nhà. Mua bán hoa kiểng, các loại vật tư, phân bón dùng cho hoa kiểng (trừ thuốc bảo vệ thực vật). Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng, cơ khí ô tô, sản phẩm kết cấu bằng kim loại. Xây dựng, lắp ghép khung nhà, kho. Nghiên cứu, đánh giá tác động môi trường và xử lý nước thải công nghiệp. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Sản xuất vật phẩm quảng cáo. Tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại. Tiếp thị. Bảo trì, sửa chữa, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng. Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện lạnh, thông gió dân dụng và công nghiệp. Nhà hàng ăn uống. Kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa. Đào tạo lái xe. Tư vấn lập dự án đầu tư. San lấp mặt bằng./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 210 nhân viên đang làm việc.

6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính thứ 6 của Công ty.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

- Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

- Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
 - Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

6. Chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:
 - **Công cụ, dụng cụ**
 - Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.
 - **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**
 - Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận

- **Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới TSCĐ, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình, xây mới văn phòng làm việc.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

- Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.
- Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
 - Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:
 - Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
 - Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
- Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau./tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu*
- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

- *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

15. Các bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Tiền mặt	305.415.665	613.085.244
• Tiền mặt - VND	305.415.665	613.085.244
- Tiền gửi ngân hàng	29.133.537.355	54.885.466.396
• Tiền gửi ngân hàng - VND	29.133.537.355	54.885.466.396
▷ Ngân hàng TMCP Việt Á	147.534.150	146.042.446
▷ Ngân hàng Vietcombank	3.078.809.098	-
▷ Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn - CN Phú Nhuận	2.449.875.522	4.665.225.383
▷ Ngân hàng TMCP Công thương CN 3	67.798.617	67.303.401
▷ Ngân hàng Quân đội	10.034.759.925	19.123.490.276
▷ Ngân hàng Viettinbank	13.067.190.853	18.881.541.244
▷ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh PN	258.168.620	5.085.736.712
▷ Ngân hàng Đông Á chi nhánh Phan Xích Long	29.400.570	6.916.126.934
Cộng	<u><u>29.438.953.020</u></u>	<u><u>55.498.551.640</u></u>

02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	47.602.631.808	34.182.411.023
- Ban quản lý đầu tư công trình quận Phú Nhuận	19.028.939.893	11.424.595.851
- Ban quản lý đầu tư công trình quận Bình Tân	1.903.233.000	603.922.000
- Ban quản lý đầu tư công trình quận Gò Vấp	1.034.123.000	1.802.525.000
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM	5.802.692.351	2.224.035.493
- Liên đoàn Lao Động Quận Phú Nhuận	1.682.361.000	4.141.204.000
- Ủy ban nhân dân Phường 5	241.391.663	460.904.120
- Ủy ban nhân dân Phường 7	601.540.823	264.654.245
- Ủy ban nhân dân Phường 9	1.606.318.368	578.858.517
- Ủy ban nhân dân Phường 10	-	582.122.196
- Công ty CP Tiến bộ Quốc tế AIC	587.278.585	717.822.664
- Ban QLDA Công trình quận 3	365.921.869	4.462.848.329
- Phòng Quản lý đô thị Quận Phú Nhuận	36.476.000	729.510.000
- Công ty CP Xây Dựng TMTX Không Gian Xanh	9.459.968.254	3.087.170.421
- Văn phòng Quận ủy Bình Tân	1.570.517.274	-
- Đối tượng khác	3.681.869.728	3.102.238.187
Cộng	<u><u>47.602.631.808</u></u>	<u><u>34.182.411.023</u></u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	737.630.600	277.830.000
- Công ty TNHH MTV Điện Lạnh Tân Hoàng Minh	290.934.600	-
- Công ty TNHH Vật Liệu Xây dựng Quế Đông	50.000.000	-
- Công ty TNHH XD-DV-TM Trung Trực	295.021.000	-
- Nhà máy BT đúc sẵn Hùng Vương	61.035.000	50.000.000
- Công ty TNHH CK XD Bình Tân	-	147.830.000
- Lắp đặt hệ thống PCCC	-	50.000.000
- Đối tượng khác	40.640.000	30.000.000
Cộng	<u>737.630.600</u>	<u>277.830.000</u>

04. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Bảo hiểm nộp thừa	32.277.020	98.813.662
- Tạm ứng	147.254.996	300.000.000
➤ Trần Văn Sĩ	137.254.996	-
➤ Đôn Đức Thanh	10.000.000	-
➤ Trần Quốc Khoa (Xí Nghiệp XD-TVTK)	-	300.000.000
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	955.549.168	2.305.672.444
➤ Ký quỹ thực hiện hợp đồng	955.549.168	2.305.672.444
- Phải thu ngắn hạn khác	47.790.108	69.150.075
➤ Phí bảo vệ môi trường phải nộp NSNN	47.790.108	69.150.075
Cộng	<u>1.182.871.292</u>	<u>2.773.636.181</u>

05. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(575.441.376)	(575.441.376)
➤ Trường Cao đẳng Dạy nghề Việt Thái	(474.824.000)	(474.824.000)
➤ Công ty CP cấp nước Gia Định	(100.617.376)	(100.617.376)
➤ Ủy ban nhân dân Phường 14	-	-
Cộng	<u>(575.441.376)</u>	<u>(575.441.376)</u>

06. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	206.581.956	284.532.771
- Công cụ, dụng cụ	8.915.000	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	14.885.500.419	5.890.803.705
- Hàng hoá - Cây cảnh	42.348.534	35.674.017
- Hàng hoá bất động sản - giá trị 58 căn nhà chung cư Nhiều Tứ	8.847.248.258	10.296.113.060
Cộng	<u>23.990.594.167</u>	<u>16.507.123.553</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các công trình:

	Giá trị
➤ Thi công Nhà văn hóa lao động Q. Phú Nhuận	562.473.600
➤ Xây dựng trường mầm non liên phường 13, 14	438.160.034
➤ Xây dựng Trường MN Tân Tạo, quận Bình Tân	587.291.669
➤ Xây dựng Trạm y tế Tân Túc, huyện Bình Chánh	685.974.312
➤ Xây dựng Trường THCS Trần Huy Liệu	9.914.302.312
➤ Xây mới UBND Phường 13, quận PN	1.250.302.308
➤ Công trình khác	1.446.996.184
Cộng	14.885.500.419

07. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	35.000.000	35.000.000
➤ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Tây Nam	30.000.000	30.000.000
➤ Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam	5.000.000	5.000.000
Cộng	35.000.000	35.000.000

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
01/01/2016	11.079.472.186	767.682.635	20.439.410.960	232.971.852	32.519.537.633
Mua trong năm	2.886.838.153	258.050.000	10.774.514.982	-	13.919.403.135
Thanh lý, nhượng bán	-	-	6.863.661.869	-	6.863.661.869
31/12/2016	13.966.310.339	1.025.732.635	24.350.264.073	232.971.852	39.575.278.899
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2016	10.028.311.692	318.287.918	16.020.629.522	217.880.517	26.585.109.649
Khấu hao trong năm	289.267.216	175.991.306	2.360.486.041	15.091.332	2.840.835.895
Tăng khác (điều chỉnh phân loại)	-	15.277.780	-	-	15.277.780
Thanh lý, nhượng bán	-	-	6.149.445.357	-	6.149.445.357
Giảm khác (điều chỉnh phân loại)	-	-	15.277.780	-	15.277.780
31/12/2016	10.317.578.908	509.557.004	12.216.392.426	232.971.849	23.276.500.187
Giá trị còn lại					
01/01/2016	1.051.160.494	449.394.717	4.418.781.438	15.091.335	5.934.427.984
31/12/2016	3.648.731.431	516.175.631	12.133.871.647	3	16.298.778.712

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.893.630.400 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Nguyên giá	35.674.733.199	-	-	35.674.733.199
- BĐS đầu tư cho thuê	9.047.279.842	-	-	9.047.279.842
- BĐS cho thuê giữ hộ	26.627.453.357	-	-	26.627.453.357
Giá trị hao mòn lũy kế	13.290.611.544	446.963.016	-	13.737.574.560
- BĐS đầu tư cho thuê	3.280.817.140	446.963.016	-	3.727.780.156
- BĐS cho thuê giữ hộ	10.009.794.404	-	-	10.009.794.404
Giá trị còn lại	22.384.121.655	(446.963.016)	-	21.937.158.639
- BĐS đầu tư cho thuê	5.766.462.702	(446.963.016)	-	5.319.499.686
- BĐS đầu tư cho thuê	16.617.658.953	-	-	16.617.658.953

Công ty không còn lưu giữ lại những quyết định giao nhà, quyết định giảm nhà của nhà là Bất động sản cho thuê giữ hộ do thời gian phát sinh kéo dài.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	01/01/2016	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2016
XDCB dở dang	1.935.626.298	1.430.993.931	2.886.838.153	-	479.782.076
Dự án 13 Lê Quý Đôn	479.782.076	-	-	-	479.782.076
Công trình nhà VP	1.455.844.222	1.430.993.931	2.886.838.153	-	-
Cộng	1.935.626.298	1.430.993.931	2.886.838.153	-	479.782.076

11. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2016	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí	31/12/2016
- Công cụ dụng cụ	234.557.194	978.441.461	610.525.596	602.473.059
Cộng	234.557.194	978.441.461	610.525.596	602.473.059

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả đối tượng khác	7.392.547.700	70.795.000
- Công ty TNHH MTV XDDV-TM Nguyễn Công Bằng	-	70.795.000
- Tổng Công ty CK Giao Thông Vận tải Sài Gòn-TNHH MTV (SAMCO)	7.044.000.000	-
- Công ty TNHH TMDV Đại Cỏ Việt	290.934.600	-
- Công ty TNHH MTV TM DVKT Thành Long	30.033.100	-
- Doanh nghiệp tư nhân Minh Phúc	27.580.000	-
Cộng	7.392.547.700	70.795.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả đối tượng khác	41.576.000	258.000.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Gò Vấp	-	213.000.000
- Công ty TNHH TM & DV Long Hưng	-	45.000.000
- Duy tu nhà dân	41.576.000	-
Cộng	41.576.000	258.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Thuế	11.892.475.879	26.352.030.920	24.104.980.755	14.139.526.044
1. Thuế giá trị gia tăng	2.884.735.832	7.254.677.046	9.172.231.618	967.181.260
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.612.213.131	3.753.247.415	4.702.501.383	662.959.163
3. Thuế thu nhập cá nhân	69.769.878	281.678.282	150.000.000	201.448.160
4. Các loại thuế khác	7.325.757.038	15.062.428.177	10.080.247.754	12.307.937.461
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác (60% tiền cho thuê nhà SXKD)	6.640.846.053	10.337.906.576	5.621.149.202	11.357.603.427
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	684.910.985	4.721.521.601	4.456.098.552	950.334.034
Cộng	11.892.475.879	26.352.030.920	24.104.980.755	14.139.526.044

• **Thuế giá trị gia tăng:** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Bán sản phẩm trồng trọt: Không chịu thuế
- Hoạt động khác: 10%

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế theo nhiều loại hình khác nhau có thể giải thích khác nhau, vì vậy các khoản thuế phải nộp của Công ty cũng theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả người lao động

	31/12/2016	01/01/2016
- Phải trả công nhân viên	3.303.344.334	4.485.093.127
Cộng	3.303.344.334	4.485.093.127

Quy lương Công ty đã được các phòng ban chuyên môn thẩm định theo thông báo số 10/TB-UBND ngày 08/03/2017.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan	-	-
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	1.570.000	130.380.000
- Rác y tế thu tiền trước chưa xuất hóa đơn	1.570.000	130.380.000
Cộng	1.570.000	130.380.000

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
- Kinh phí công đoàn	-	799.104
- Phải trả các bên liên quan	-	-
- Phải trả đối tượng khác	13.210.902.594	15.103.869.194
- Giá trị nhận giữ hộ nhà Chung cư Phan Tây Hồ	13.210.902.594	15.103.869.194
Cộng	13.210.902.594	15.104.668.298

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
- Số đầu năm	399.424.000	22.324.830.422	22.724.254.422
- Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	181.216.000	6.948.155.000	7.129.371.000
- Chi quỹ trong năm	195.541.000	14.246.775.832	14.442.316.832
- Số cuối năm	385.099.000	15.026.209.590	15.411.308.590

19. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.855.600.000	3.742.400.000
➢ Công ty TNHH Sài Gòn Coopmart Rạch Miễu	3.000.000.000	3.000.000.000
➢ Công ty CP XD Kỹ thuật Dedco	39.600.000	39.600.000
➢ Công ty CP BDS Khánh Việt	360.000.000	360.000.000
➢ Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Gia Phú	135.000.000	135.000.000
➢ Công ty CP SN Việt Nam	180.000.000	180.000.000
➢ Đối tượng khác	141.000.000	27.800.000
Cộng	3.855.600.000	3.742.400.000

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Giá trị
- Số đầu năm	567.085.000
- Tăng do trích lập trong năm (tương đương 3% Lợi nhuận trước thuế TNPN)	578.897.000
- Số cuối năm	1.145.982.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình góp vốn

	VND
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng đăng ký kinh doanh	57.163.000.000
- Vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu	57.163.000.000
- Vốn điều lệ còn phải góp	-

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
- Vốn góp của Nhà nước	57.163.000.000	57.163.000.000
Cộng	57.163.000.000	57.163.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN
(Đơn vị tính: VND)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	A				
	1	2	3	4	5
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý hỗ trợ Doanh nghiệp	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	57.163.000.000	1.951.791.194	(290.045.059)	-	58.824.746.135
- Trích nộp LN của nhà năm 2016	-	-	-	(2.960.246.377)	(2.960.246.377)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.832.000.000)	(6.832.000.000)
- Tạm trích quỹ thưởng BDH	-	-	-	(181.216.000)	(181.216.000)
- Trích quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN	-	1.405.375.479	-	(1.405.375.479)	-
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển 30% từ LNST năm 2016	-	-	3.607.967.777	(3.607.967.777)	-
- Nộp lại quỹ vào NSNN	-	(1.997.960.947)	-	-	(1.997.960.947)
- Lãi trong năm	-	-	-	14.986.805.633	14.986.805.633
Số dư cuối năm nay	57.163.000.000	1.359.205.726	3.317.922.718	-	61.840.128.444

(*) Công ty tạm trích các quỹ trong năm, mức trích lập các quỹ sẽ được căn cứ vào kết quả kiểm tra Báo cáo tài chính hàng năm của Sở tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016	2015
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.442.158.585	175.348.601.645
- Doanh thu hoạt động công ích	49.344.084.159	49.977.708.265
- Doanh thu hoạt động xây lắp	72.050.499.772	101.594.002.843
- Doanh thu khác	25.047.574.654	23.776.890.537
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.442.158.585	175.348.601.645
- Doanh thu hoạt động công ích	49.344.084.159	49.977.708.265
- Doanh thu hoạt động xây lắp	72.050.499.772	101.594.002.843
- Doanh thu khác	25.047.574.654	23.776.890.537

02. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
- Giá vốn hoạt động công ích	29.790.432.681	40.416.903.261
- Giá vốn hoạt động xây lắp	64.890.233.011	90.028.351.179
- Giá vốn hoạt động khác	24.192.871.776	17.344.456.031
Cộng	118.873.537.468	147.789.710.471

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
- Lãi tiền gửi	1.681.730.812	1.466.724.330
Cộng	1.694.109.128	1.466.724.330

04. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
- Chi phí cho nhân viên	9.167.758.136	6.665.880.145
- Chi phí vật liệu quản lý	184.921.472	410.852.325
- Chi phí đồ dùng văn phòng	381.895.614	55.682.505
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	11.919.204
- Thuế, phí và lệ phí	27.581.068	26.727.067
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.699.239.890	1.884.424.465
- Chi phí bằng tiền khác	1.626.721.356	1.594.994.990
Cộng	14.088.117.536	10.650.480.701

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

05. Thu nhập khác

	2016	2015
- Lợi nhuận từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.611.238.032	438.832.514
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	97.762.034
- Thu nhập khác	14.610.788	-
Cộng	3.625.848.820	536.594.548

06. Chi phí khác

	2016	2015
- Thuế bị phạt, bị truy thu	26.184.026	-
- Chi phí khác	34.224.455	-
Cộng	60.408.481	-

07. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2016	2015
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.740.053.048	18.911.729.351
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
> Các khoản điều chỉnh tăng	26.184.026	70.000.000
• Thuế bị phạt, truy thu	26.184.026	-
• Chi phí tài trợ không được trừ theo Thông tư 78/2014/TT-BTC	-	70.000.000
> Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	18.766.237.074	18.981.729.351
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.753.247.415	4.175.980.457
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.753.247.415	4.175.980.457

08. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.012.549.727	49.396.894.343
- Chi phí nhân công	61.516.345.502	64.226.978.557
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.287.798.911	3.290.091.087
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.685.174.363	21.279.590.996
- Chi phí khác	2.408.727.732	1.930.256.993
Cộng	136.910.596.235	140.123.811.976

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

02. Sai sót và thay đổi chính sách kế toán

Đối với số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, số liệu năm trước trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ, Công ty căn cứ vào số cuối năm của Báo cáo tài chính niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt đã được kiểm tra và điều chỉnh một số điểm theo các văn bản số 854/TB-VP ngày 22/10/2014, văn bản số 644/UBND-CNN ngày 23/2/2016, văn bản số 645/UBND-CNN ngày 23/2/2016 của Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh và văn bản số 990/UBND ngày 02/12/2016, văn bản số 991/UBND ngày 02/12/2016 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, việc điều chỉnh có ảnh hưởng đến số liệu đầu năm như sau:

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Số đầu năm trước điều chỉnh	Số đầu năm sau điều chỉnh	Chênh lệch
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100	108.676.390.047	108.664.111.021	(12.279.026)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	36.670.714.854	36.658.435.828	(12.279.026)
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.785.915.207	2.773.636.181	(12.279.026)
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200	30.530.581.539	30.523.733.131	(6.848.408)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	241.405.602	234.557.194	(6.848.408)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	241.405.602	234.557.194	(6.848.408)
A. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300	47.288.321.854	58.975.151.726	11.686.829.872
I. Nợ ngắn hạn	310	42.978.836.854	54.665.666.726	11.686.829.872
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.794.147.867	11.892.475.879	4.098.328.012
4. Phải trả người lao động	314	5.749.593.127	4.485.093.127	(1.264.500.000)
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15.102.336.541	15.104.668.298	2.331.757
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13.873.584.319	22.724.254.422	8.850.670.103
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400	91.918.649.732	80.212.692.426	(11.705.957.306)
I. Vốn chủ sở hữu	410	70.530.703.441	58.824.746.135	(11.705.957.306)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	740.798.157	(290.045.059)	(1.030.843.216)
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	1.951.791.194	1.951.791.194
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	12.626.905.284	-	(12.626.905.284)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017



Đào Mạnh Linh
Giám đốc

Hoàng Mộng Ngọc
Kế toán trưởng

Hoàng Mộng Ngọc
Người lập biểu